

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-12-2025

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Viễn

2. Bà Lương Thị Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ánh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cầm Thị D, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Bản C, xã C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn Q, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Bản C, xã C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 13/10/2025 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Cầm Thị D trình bày:

Chị và anh Lương Văn Q kết hôn với nhau từ ngày 24/11/2005. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai người không hợp nhau, anh Q chơi bời không tu chí làm ăn, bất đồng quan điểm cuộc sống vợ chồng, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án

giải quyết cho ly hôn với anh Lường Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lường Anh H, sinh ngày 03/8/2006 và cháu Lường Thị T, sinh ngày 30/10/2009. Cháu Lường Anh H đã trưởng thành đủ khả năng lao động, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên vọng của chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lường Thị T đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Trường hợp cháu T muốn ở với bố thì chị D cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh Lường Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Cẩm Thị D cam đoan không có nợ chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Lường Văn Q trình bày:

Anh và chị Cẩm Thị D kết hôn ngày 24/11/2005. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn anh Q, chị D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được chính quyền bản khuyên bảo nhưng không thành. Chị D thường xuyên bỏ nhà đi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay. Nay chị D có nguyện vọng ly hôn, anh Q không nhất trí ly hôn. Nguyên vọng của anh mong gia đình đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lường Anh H, sinh ngày 03/8/2006 và cháu Lường Thị T, sinh ngày 30/10/2009. Cháu Lường Anh H đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, do đó anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lường Thị T, nguyện vọng của anh là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lường Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Anh Quang giữ nguyên ý kiến tại bản tự khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Bị đơn anh Lương Văn Q sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyên vọng. Chị Cẩm Thị D và anh Lương Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Cẩm Thị D được ly hôn với anh Lương Văn Q.
2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị T, sinh ngày 30/10/2009, cho chị Cẩm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lương Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D.
- Cháu Lương Anh H, sinh ngày 03/8/2006 đã trưởng thành đủ khả năng lao động, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.
5. Về án phí: Chị Cẩm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Cẩm Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lương Văn Q có địa chỉ bản C, xã C, tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Sơn La.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện. Bị đơn anh Lương Văn Q sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyên vọng. Chị Cẩm Thị D và anh Lương Văn Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định của khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt chị Cẩm Thị D và anh Lương Văn Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cẩm Thị D và anh Lương Văn Q có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị D và anh Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chính quyền địa phương xác nhận nguyên nhân của sự phát sinh mâu thuẫn như chị Cẩm Thị D và anh Lương Văn Q trình bày là đúng.

Xét thấy: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị D và anh Q là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị D và anh Q đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân một thời gian, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị D ly hôn anh Q là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Chị Cẩm Thị D và anh Lương Văn Q có hai con chung là cháu Lương Anh H, sinh ngày 03/8/2006 và cháu Lương Thị T, sinh ngày 30/10/2009. Đối với cháu Lương Anh H đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết. Chị D và anh Q đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thị T và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ghi ý kiến nguyện vọng của cháu Lương Thị T, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T là con gái, sau khi chị D và anh Q ly hôn, chị D là mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T là phù hợp, nắm bắt hiểu rõ tâm sinh lý của cháu, xét thấy nguyện vọng của cháu T xin được ở với mẹ là tự nguyện, không bị ép buộc tác động của anh Q hay chị D. Do đó cần giao cháu Lương Thị T cho chị Cẩm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cẩm Thị D và anh Lương Văn Q đều xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Cẩm Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Cẩm Thị D được ly hôn với anh Lương Văn Q.

2. Về con chung: Đối với cháu Lương Anh H, sinh ngày 03/8/2006 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động.

Giao cháu Lương Thị T, sinh ngày 30/10/2009 cho chị Cẩm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

Anh Lương Văn Q được quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Cẩm Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000394, ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Cẩm Thị D và anh Lương Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3 – Sơn La (2);
- Phòng THA dân sự khu vực 3 - Sơn La;
- UBND xã M, tỉnh Sơn La;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên